

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại  
Ngọc Nghĩa**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 36

# Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0301427028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 6 năm 1993, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM - sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã NNG theo quyết định số 85/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 10 tháng 2 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất bao bì và sản phẩm khác từ plastic, sản xuất khuôn đúc và phụ tùng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 27A Nguyễn Ư Dĩ, Phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Chủ tịch
Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó chủ tịch
Ông La Văn Hoàng	Thành viên
Ông Lê Thanh Hạo Nhiên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hoàng Thị Minh Thư	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Thoảng	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Chi Mai	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà La Bùi Hồng Ngọc	Tổng Giám đốc	
Ông John Russell Gray	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	
Bà Trương Thị Ngọc Trâm	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2020
Ông Nguyễn Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2020

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà La Bùi Hồng Ngọc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh báo cáo tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 16 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 9 tháng 4 năm 2021 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Thay mặt Hội đồng Quản trị:

La Bùi Hoàng Nghĩa  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2021



Số tham chiếu: 61537105/22015413

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") được lập ngày 9 tháng 4 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3040-2019-004-1



Phạm Xuân Tuấn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4639-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>661.363.002.623</b>	<b>999.142.944.665</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>43.775.846.626</b>	<b>421.457.659.722</b>
111	1. Tiền		43.775.846.626	421.457.659.722
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>74.099.135.148</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	74.099.135.148
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>471.837.571.317</b>	<b>363.442.700.024</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	435.489.351.903	356.722.021.422
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.416.625.895	14.265.163.805
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	613.100.000.000	613.100.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	189.645.733.537	160.331.517.175
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(780.814.140.018)	(780.976.002.378)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>63.173.890.919</b>	<b>64.445.629.579</b>
141	1. Hàng tồn kho	10	63.173.890.919	64.445.629.579
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>82.575.693.761</b>	<b>75.697.820.192</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	7.326.447.447	2.742.882.758
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	19	61.666.384.640	59.336.727.859
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	13.582.861.674	13.618.209.575
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.334.619.256.997</b>	<b>1.318.551.124.114</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>353.154.502.525</b>	<b>355.501.536.215</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	353.154.502.525	355.501.536.215
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>348.597.085.665</b>	<b>303.179.627.364</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	227.574.036.080	51.937.913.592
222	Nguyên giá		479.859.950.613	247.337.250.950
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(252.285.914.533)	(195.399.337.358)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	16.474.595.389	51.213.706.980
225	Nguyên giá		19.846.248.326	93.881.661.294
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.371.652.937)	(42.667.954.314)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	104.548.454.196	200.028.006.792
228	Nguyên giá		109.032.645.174	204.193.142.874
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.484.190.978)	(4.165.136.082)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>981.659.334</b>	<b>30.976.767.325</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	981.659.334	30.976.767.325
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>480.885.724.000</b>	<b>480.885.724.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	16	480.885.724.000	480.885.724.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>151.000.285.473</b>	<b>148.007.469.210</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	50.291.000.314	36.364.292.781
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	100.709.285.159	111.643.176.429
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.995.982.259.620</b>	<b>2.317.694.068.779</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>907.247.121.939</b>	<b>1.282.895.597.565</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>849.633.346.062</b>	<b>1.271.944.709.350</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	570.966.859.552	649.223.713.598
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	8.821.419.001	78.224.825.234
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	3.554.031.115	325.846.469
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	4.037.832.616	7.592.843.137
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		1.497.736.291	1.118.179.694
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	258.772.080.635	533.475.914.366
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.13	1.983.386.852	1.983.386.852
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>57.613.775.877</b>	<b>10.950.888.215</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	57.613.775.877	10.950.888.215
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>22.1</b>	<b>1.088.735.137.681</b>	<b>1.034.798.471.214</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.088.735.137.681</b>	<b>1.034.798.471.214</b>
411	1. Vốn cổ phần		815.709.880.000	815.709.880.000
411 a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		815.709.880.000	815.709.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		192.851.537.982	192.851.537.982
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		10.973.114.162	10.973.114.162
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		192.503.849	192.503.849
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		69.008.101.688	15.071.435.221
421 a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.071.435.221	365.955.541.431
421 b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) năm nay		53.936.666.467	(350.884.106.210)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.995.982.259.620</b>	<b>2.317.694.068.779</b>

Đông Thị Ngọc Triều  
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Là Bùi Hồng Ngọc  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2021



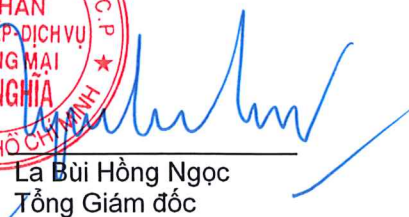
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.372.103.568.719	1.684.413.461.939
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(2.880.734.770)	(392.832.099)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.369.222.833.949	1.684.020.629.840
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(1.211.247.706.008)	(1.540.439.950.251)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		157.975.127.941	143.580.679.589
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	7.024.211.997	5.720.521.063
22	7. Chi phí tài chính	25	(23.005.436.333)	(57.630.345.006)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(22.211.159.257)	(57.209.236.731)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(35.420.743.670)	(29.228.196.022)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(57.009.307.656)	(414.058.535.570)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		49.563.852.279	(351.615.875.946)
31	11. Thu nhập khác	27	47.356.126.827	8.076.097.313
32	12. Chi phí khác	27	(4.894.089.415)	(2.453.857.377)
40	13. Lợi nhuận khác		42.462.037.412	5.622.239.936
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế TNDN		92.025.889.691	(345.993.636.010)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(27.155.331.954)	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	(10.933.891.270)	(4.890.470.200)
60	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		53.936.666.467	(350.884.106.210)



Đồng Thị Ngọc Triều  
Người lập kiêm Kế toán trưởng

La Bùi Hồng Ngọc  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>92.025.889.691</b>	<b>(345.993.636.010)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		25.363.884.828	27.502.038.941
03	(Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng		(161.862.360)	364.011.916.311
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		113.683.109	(50.771.709)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(45.720.092.911)	(9.724.398.923)
06	Chi phí lãi vay		22.211.159.257	57.805.713.761
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>93.832.661.614</b>	<b>93.550.862.371</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(108.225.456.099)	108.237.070.686
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.271.738.660	(21.340.108.223)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(153.760.582.099)	261.318.587.736
12	Tăng chi phí trả trước		(18.954.046.189)	(5.484.407.026)
14	Tiền lãi vay đã trả		(22.479.043.090)	(58.620.560.211)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(27.155.331.954)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(235.470.059.157)</b>	<b>377.661.445.333</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(87.968.294.324)	(39.818.324.408)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		94.211.972.800	67.947.072.110
23	Tiền chi cho vay		(15.000.000.000)	(2.122.051.815)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		89.099.135.148	71.700.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(127.880.426.277)
27	Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn		5.490.577.833	14.701.602.658
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>85.833.391.457</b>	<b>(15.472.127.732)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	500.010.808.364
33	Tiền thu từ đi vay	21	926.646.639.565	1.232.370.831.955
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(1.141.101.660.356)	(1.724.601.902.775)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	21	(13.571.760.261)	(19.321.327.796)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(228.026.781.052)</b>	<b>(11.541.590.252)</b>

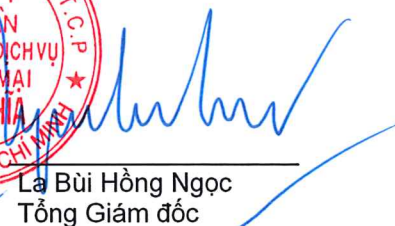
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(377.663.448.752)	350.647.727.349
60	Tiền đầu năm		421.457.659.722	70.812.773.246
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.364.344)	(2.840.873)
70	Tiền cuối năm	4	43.775.846.626	421.457.659.722



Đồng Thị Ngọc Triều  
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Lê Bùi Hồng Ngọc  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0301427028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 6 năm 1993, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM - sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã NNG theo quyết định số 85/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 10 tháng 2 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất bao bì và sản phẩm khác từ plastic; sản xuất khuôn đúc và phụ tùng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 27A Nguyễn Ư' Dĩ, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 637 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 333).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có ba (3) công ty con trực tiếp với chi tiết như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Tình trạng</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>
				<i>%</i>	<i>%</i>
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế ("IPC")	Tây Ninh	Đang hoạt động	Sản xuất sản phẩm từ plastic	100	100
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam ("VNP")	Hồ Chí Minh	Đang hoạt động	Sản xuất bao bì nhựa	100	100
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa ("NNI")	Tây Ninh	Đang hoạt động	Sản xuất sản phẩm từ plastic	100	100

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 9 tháng 4 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

### **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### **2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

### **3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa                        | - | chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp nhập trước, xuất trước. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Công ty nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất không được tính hao mòn khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất số 09/KCN-HĐTĐ ngày 28 tháng 3 năm 2000 ký với Công ty SXKD XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (Tanimex) còn thời hạn đến ngày 17 tháng 6 năm 2047. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	206.307.104
Tiền gửi ngân hàng	43.775.846.626	421.251.352.618
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.775.846.626</b>	<b>421.457.659.722</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	253.157.692.421	241.724.413.141
Phải thu từ các bên khác	182.331.659.482	114.997.608.281
- Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	41.387.163.127	38.923.184.989
- Công ty TNHH Dynaplast Packaging (Việt Nam) - Chi nhánh Bắc Ninh	17.384.941.899	19.573.431.217
- Công ty TNHH Hàng tiêu dùng Thái Long	15.048.291.050	15.158.737.684
- Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera	13.682.485.252	12.600.281.790
- Công ty TNHH Một Thành Viên Masan MB	12.679.018.440	2.099.592.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Tiến Nga	9.352.833.600	-
- Angkor Beverage Company Ltd.	9.192.280.759	-
- Khác	63.604.645.355	26.642.380.601
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>435.489.351.903</b>	<b>356.722.021.422</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.590.937.066)	(28.709.404.426)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>406.898.414.837</b>	<b>328.012.616.996</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoàn Hân	6.054.161.208	4.171.735.838
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Song Toàn	2.745.250.000	2.745.250.000
Khác	5.617.214.687	7.348.177.967
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.416.625.895</b>	<b>14.265.163.805</b>
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(4.151.216.115)	(4.194.611.115)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>10.265.409.780</b>	<b>10.070.552.690</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera	543.500.000.000	543.500.000.000
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế	49.750.000.000	49.750.000.000
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng Thái Long	19.850.000.000	19.850.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>613.100.000.000</b>	<b>613.100.000.000</b>
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi	(613.100.000.000)	(613.100.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>189.645.733.537</b>	<b>160.331.517.175</b>
Lãi cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn	134.971.986.837	137.204.930.608
Tạm ứng cho nhân viên	54.654.049.450	22.496.769.642
Khác	19.697.250	629.816.925
<b>Dài hạn</b>	<b>353.154.502.525</b>	<b>355.501.536.215</b>
Phải thu Công ty TNHH MTV Thương mại Corola (*)	246.000.000.000	246.000.000.000
Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (**)	103.000.000.000	103.000.000.000
Ký quỹ thuê nhà xưởng và văn phòng	2.410.946.525	4.097.149.025
Ký quỹ thuê tài sản tài chính	1.743.556.000	2.404.387.190
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>542.800.236.062</b>	<b>515.833.053.390</b>
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(134.971.986.837)	(134.971.986.837)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>407.828.249.225</b>	<b>380.861.066.553</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên khác</i>	542.800.236.062	515.755.180.335
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	-	77.873.055

(\*) Số dư này thể hiện khoản phải thu từ Corola liên quan đến các văn bản cần trừ công nợ đã được thực hiện trong năm 2019. Số dư này sẽ được thu hồi trong vòng bốn (4) năm kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(\*\*) Khoản này thể hiện phần vốn góp trong HĐHTKD với Corola liên quan đến việc hợp tác kinh doanh các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu cao cấp trong vòng 60 tháng kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2019. Theo hợp đồng số 20191112/HĐHTKD ngày 12 tháng 11 năm 2019, Công ty sẽ nhận được 55% lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh này.



# Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera	684.790.439.450	1.082.203.462	(683.708.235.988)	683.708.235.988	-
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế	56.879.465.975	-	(56.879.465.975)	56.879.465.975	-
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng Thái Long	35.824.214.348	-	(35.824.214.348)	35.824.214.348	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Song Toàn	2.745.250.000	-	(2.745.250.000)	2.745.250.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Thái Thành	781.107.195	-	(781.107.195)	781.107.195	-
Khác	1.037.728.872	161.862.360	(875.866.512)	1.037.728.872	(1.037.728.872)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>782.058.205.840</b>	<b>1.244.065.822</b>	<b>(780.814.140.018)</b>	<b>780.976.002.378</b>	<b>(780.976.002.378)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	25.367.852.940	34.064.319.369
Thành phẩm	23.162.129.169	13.548.445.813
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.370.971.426	13.409.638.890
Hàng đang đi đường	5.139.894.572	1.183.871.700
Công cụ, dụng cụ	2.107.422.878	1.934.157.086
Hàng hóa	2.025.619.934	305.196.721
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.173.890.919</b>	<b>64.445.629.579</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.326.447.447</b>	<b>2.742.882.758</b>
Công cụ, dụng cụ	6.696.179.884	2.307.068.024
Khác	630.267.563	435.814.734
<b>Dài hạn</b>	<b>50.291.000.314</b>	<b>36.364.292.781</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	38.190.411.780	19.443.781.806
Tiền thuê đất (*)	11.441.255.268	15.348.466.805
Khác	659.333.266	1.572.044.170
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.617.447.761</b>	<b>39.107.175.539</b>

(\*) Tiền thuê đất trả trước thể hiện số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất như được trình bày trong Thuyết minh số 3.9.

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất này để đảm bảo các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1).

# Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
VND					
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	42.309.218.256	173.906.857.076	24.552.531.155	6.568.644.463	247.337.250.950
Mua trong năm	1.110.067.038	159.644.296.994	-	275.210.000	161.029.574.032
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.579.470.207	-	-	-	5.579.470.207
Tăng từ TSCĐ thuê tài chính	-	74.115.440.674	-	-	74.115.440.674
Thanh lý	(4.453.940.512)	(3.250.054.102)	(497.790.636)	-	(8.201.785.250)
Số cuối năm	44.544.814.989	404.416.540.642	24.054.740.519	6.843.854.463	479.859.950.613
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	1.964.155.462	112.838.344.986	4.486.583.169	5.391.515.463	124.680.599.080
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(24.381.283.413)	(155.009.582.389)	(10.230.369.256)	(5.778.102.300)	(195.399.337.358)
Khấu hao trong năm	(2.559.348.872)	(5.073.560.700)	(2.351.657.990)	(789.058.384)	(10.773.625.946)
Tăng từ TSCĐ thuê tài chính	-	(53.123.731.396)	-	-	(53.123.731.396)
Thanh lý	3.720.729.242	3.039.156.072	250.894.853	-	7.010.780.167
Số cuối năm	(23.219.903.043)	(210.167.718.413)	(12.331.132.393)	(6.567.160.684)	(252.285.914.533)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	17.927.934.843	18.897.274.687	14.322.161.899	790.542.163	51.937.913.592
Số cuối năm	21.324.911.946	194.248.822.229	11.723.608.126	276.693.779	227.574.036.080
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21)	4.191.800.000	125.400.000.000	7.214.391.432	-	136.806.191.432



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND
	<i>Máy móc thiết bị</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	93.881.661.294
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(74.035.412.968)
Số cuối năm	<u>19.846.248.326</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Số đầu năm	(42.667.954.314)
Khấu hao trong năm	(13.827.430.019)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	53.123.731.396
Số cuối năm	<u>(3.371.652.937)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>51.213.706.980</u>
Số cuối năm	<u>16.474.595.389</u>

Công ty thuê máy móc thiết bị hiện đang vận hành trong dây chuyền sản xuất. Theo các hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy móc thiết bị này khi thời gian thuê hết hạn. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 21.3.

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND
			<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	199.433.000.000	4.760.142.874	204.193.142.874
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	832.302.300	832.302.300
Thanh lý	(95.992.800.000)	-	(95.992.800.000)
Số cuối năm	<u>103.440.200.000</u>	<u>5.592.445.174</u>	<u>109.032.645.174</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	3.215.542.874	3.215.542.874
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	(4.165.136.082)	(4.165.136.082)
Hao mòn trong năm	-	(319.054.896)	(319.054.896)
Số cuối năm	-	<u>(4.484.190.978)</u>	<u>(4.484.190.978)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>199.433.000.000</u>	<u>595.006.792</u>	<u>200.028.006.792</u>
Số cuối năm	<u>103.440.200.000</u>	<u>1.108.254.196</u>	<u>104.548.454.196</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21)</i>	103.440.200.000	-	103.440.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

# 15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	520.704.000	2.871.231.291
Tài sản cố định chờ lắp đặt	460.955.334	28.105.536.034
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>981.659.334</b>	<b>30.976.767.325</b>

# 16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

			VND			
Tên công ty con	Lĩnh vực	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá trị	%	Giá trị	%
			VND	sở hữu	VND	sở hữu
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế (*) (**)	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Đang hoạt động	242.800.000.000	100	126.400.000.000	100
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam (*)	Sản xuất bao bì nhựa	Đang hoạt động	123.085.724.000	100	123.085.724.000	100
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa (*)	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Đang hoạt động	115.000.000.000	100	115.000.000.000	100
Công ty TNHH MTV Nắp Toàn Cầu (*) (**)	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Đang trong quá trình sáp nhập	-	-	116.400.000.000	100
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>480.885.724.000</b>		<b>480.885.724.000</b>	

(\*) Các khoản đầu tư này được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 21).

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, các cổ đông đã thông qua kế hoạch sáp nhập Công ty TNHH MTV Nắp Toàn Cầu ("GCC") vào Công ty TNHH MTV PET Quốc tế ("IPC"). Theo đó, vào ngày 26 tháng 10 năm 2020, GCC và IPC đã ký hợp đồng số 20201026/SP/GCC-IPC thỏa thuận về việc sáp nhập. Vào ngày 3 tháng 11 năm 2020, IPC đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 10 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ lên là 179.000.000.000 VND và IPC và GCC đã ký biên bản giao nhận tài sản và nợ phải trả liên quan đến việc sáp nhập trên. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, GCC vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	472.619.444.822	521.247.498.445
Phải trả các bên khác	98.347.414.730	127.976.215.153
- Unilever Asia Private Limited	27.020.824.400	26.651.748.816
- Công ty TNHH Itochu Việt Nam	17.248.002.474	3.253.458.974
- Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	7.434.319.230	26.896.895.025
- Khác	46.644.268.626	71.174.112.338
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>570.966.859.552</b>	<b>649.223.713.598</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Thương mại Trâm Anh	-	62.227.981.200
Khác	8.821.419.001	15.996.844.034
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.821.419.001</b>	<b>78.224.825.234</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	59.336.727.859	134.933.281.983	(132.603.625.202)	61.666.384.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.582.861.674	27.155.331.954	(27.155.331.954)	13.582.861.674
Khác	35.347.901	-	(35.347.901)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.954.937.434</b>	<b>162.088.613.937</b>	<b>(159.794.305.057)</b>	<b>75.249.246.314</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế nhà thầu	-	2.885.023.421	(101.890.506)	2.783.132.915
Thuế thu nhập cá nhân	294.204.052	8.621.069.528	(8.145.950.081)	769.323.499
Thuế nhập khẩu	-	4.965.478.343	(4.963.903.642)	1.574.701
Thuế giá trị gia tăng	31.642.417	124.118.455.354	(124.150.097.771)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>325.846.469</b>	<b>140.590.026.646</b>	<b>(137.361.842.000)</b>	<b>3.554.031.115</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương và thưởng	2.963.796.721	5.875.665.530
Lãi vay	341.006.702	608.890.535
Khác	733.029.193	1.108.287.072
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.037.832.616</b>	<b>7.592.843.137</b>



# Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại nợ dài hạn đến hạn trả	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
						VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>533.475.914.366</b>	<b>868.073.811.663</b>	<b>(1.154.673.420.617)</b>	<b>11.909.940.240</b>	<b>(14.165.017)</b>	<b>258.772.080.635</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	518.121.877.485	868.073.811.663	(1.139.156.461.376)	-	(14.165.017)	247.025.062.755
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	13.408.837.901	-	(13.571.760.261)	3.964.741.260	-	3.801.818.900
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	1.945.198.980	-	(1.945.198.980)	7.945.198.980	-	7.945.198.980
<b>Dài hạn</b>	<b>10.950.888.215</b>	<b>58.572.827.902</b>	<b>-</b>	<b>(11.909.940.240)</b>	<b>-</b>	<b>57.613.775.877</b>
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 21.3)	6.761.723.678	-	-	(3.964.741.260)	-	2.796.982.418
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	4.189.164.537	58.572.827.902	-	(7.945.198.980)	-	54.816.793.459
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>544.426.802.581</b>	<b>926.646.639.565</b>	<b>(1.154.673.420.617)</b>	<b>-</b>	<b>(14.165.017)</b>	<b>316.385.856.512</b>

## Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 21.1. Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND	(Nguyên tệ) USD			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	240.502.254.131	-	Từ ngày 13 tháng 2 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	5,5 – 5,7	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại KCN Tây Bắc Củ Chi, và tại Khu công nghiệp Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
Khoản vay 2	6.522.808.624	280.973,88	Từ ngày 9 tháng 3 năm 2021 đến ngày 19 tháng 5 năm 2021	2,9 – 3,4	Quyền góp vốn của Công ty vào các công ty con; Các tài sản thế chấp đang bảo đảm cho các khoản vay trung dài hạn của NNH tại Ngân hàng đồng thời đảm bảo chung cho Hợp đồng tín dụng này.
TỔNG CỘNG	247.025.062.755	280.973,88			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2. Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng để mua xe ô tô và máy móc thiết bị được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 12)
	VND			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	58.572.827.902	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2021 đến ngày 10 tháng 11 năm 2025	8,5 - 8,6	Máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh	4.189.164.537	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2021 đến ngày 26 tháng 8 năm 2023	8,9 - 11,7	Phương tiện vận tải
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.761.992.439</b>			

Trong đó:

Vay dài hạn	54.816.793.459
Vay dài hạn đến hạn trả	7.945.198.980

21.3. Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính có thời hạn thuê là 48 tháng với lãi suất 8,06%/năm. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
<b>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</b> Từ 1 năm trở xuống	4.205.699.905	403.881.005	3.801.818.900	1.071.459.684	13.408.837.901
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b> Trên 1-5 năm	3.055.919.574	258.937.156	2.796.982.418	500.805.207	6.761.723.678
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.261.619.479</b>	<b>662.818.161</b>	<b>6.598.801.318</b>	<b>1.572.264.891</b>	<b>20.170.561.579</b>



# Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
							VND
<b>Năm trước</b>							
Số đầu năm	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	10.973.114.162	192.503.849	405.996.321.431	898.473.159.442
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	293.209.880.000	193.999.537.982	-	-	-	-	487.209.417.982
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	-	-	(350.884.106.210)	(350.884.106.210)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(48.048.000.000)	88.088.780.000	-	-	(40.040.780.000)	-
Số cuối năm	815.709.880.000	192.851.537.982	-	10.973.114.162	192.503.849	15.071.435.221	1.034.798.471.214
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm	815.709.880.000	192.851.537.982	-	10.973.114.162	192.503.849	15.071.435.221	1.034.798.471.214
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	53.936.666.467	53.936.666.467
Số cuối năm	815.709.880.000	192.851.537.982	-	10.973.114.162	192.503.849	69.008.101.688	1.088.735.137.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	815.709.880.000	522.500.000.000
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	-	293.209.880.000
Số cuối năm	<u>815.709.880.000</u>	<u>815.709.880.000</u>
Cổ tức công bố	-	40.040.780.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu quỹ	-	40.040.780.000

**22.3 Cổ phiếu**

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	81.570.988	81.570.988
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	81.570.988	81.570.988
Cổ phiếu phổ thông	81.570.988	81.570.988
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.570.988	81.570.988
Cổ phiếu phổ thông	81.570.988	81.570.988

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.372.103.568.719</b>	<b>1.684.413.461.939</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	792.936.137.275	1.245.491.857.216
Doanh thu bán thành phẩm	573.015.220.644	429.224.707.725
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.152.210.800	9.696.896.998
<b>Hàng bán bị trả lại</b>	<b>(2.880.734.770)</b>	<b>(392.832.099)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.369.222.833.949</u></b>	<b><u>1.684.020.629.840</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	790.055.402.505	1.245.099.025.117
Doanh thu bán thành phẩm	573.015.220.644	429.224.707.725
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.152.210.800	9.696.896.998
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	852.096.413.139	800.011.222.385
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	517.126.420.810	884.009.407.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU (tiếp theo)**

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.157.768.644	4.824.725.536
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.551.922.807	895.795.527
Lãi cho vay	1.314.520.546	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.024.211.997</b>	<b>5.720.521.063</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	732.456.613.520	1.158.161.325.937
Giá vốn của thành phẩm đã bán	464.842.534.347	373.626.423.279
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.948.558.141	8.652.201.035
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.211.247.706.008</b>	<b>1.540.439.950.251</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	22.211.159.257	57.209.236.731
Lỗ chênh lệch tỷ giá	794.277.076	403.083.155
Khác	-	18.025.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.005.436.333</b>	<b>57.630.345.006</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>35.420.743.670</b>	<b>29.228.196.022</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.741.574.357	19.334.884.536
Chi phí nhân viên	10.399.482.091	8.540.536.291
Khác	1.279.687.222	1.352.775.195
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>57.009.307.656</b>	<b>414.058.535.570</b>
Chi phí nhân viên	30.996.798.872	23.895.833.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.898.458.050	15.498.526.938
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.972.212.770	3.367.924.412
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		
nợ phải thu khó đòi	(161.862.360)	364.011.916.311
Khác	4.303.700.324	7.284.334.252
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.430.051.326</b>	<b>443.286.731.592</b>

**27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>47.356.126.827</b>	<b>8.076.097.313</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	40.247.803.721	4.899.673.387
Khác	7.108.323.106	3.176.423.926
<b>Chi phí khác</b>	<b>4.894.089.415</b>	<b>2.453.857.377</b>
Lỗ từ thanh lý công cụ, dụng cụ	4.167.099.719	-
Các khoản phạt	210.206.730	2.334.919.310
Khác	516.782.966	118.938.067
<b>LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC</b>	<b>42.462.037.412</b>	<b>5.622.239.936</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.109.148.142.571	1.435.653.756.896
Chi phí nhân viên	81.426.369.316	62.539.308.782
Chi phí khấu hao và hao mòn		
(Thuyết minh số 12, 13 và 14)	24.920.110.861	26.940.679.130
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng nợ phải thu		
khó đòi	(161.862.360)	364.011.916.311
Khác	99.972.910.521	92.888.862.744
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.315.305.670.909</b>	<b>1.982.034.523.863</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.155.331.954	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	10.933.891.270	4.890.470.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.089.223.224</b>	<b>4.890.470.200</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>92.025.889.691</b>	<b>(345.993.636.010)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	18.405.177.938	(69.198.727.202)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	19.684.045.286	13.023.878.384
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	61.065.319.018
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>38.089.223.224</b>	<b>4.890.470.200</b>

### 29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

		VND			
		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			
Bảng cân đối kế toán riêng					
Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước		
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai		100.709.285.159	111.643.176.429	(10.933.891.270)	(4.890.470.200)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		100.709.285.159	111.643.176.429	-	
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng				(10.933.891.270)	(4.890.470.200)

**29.4 Lỗi tính thuế chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗi lũy kế với tổng giá trị 603.906.699.987 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 737.407.994.942 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		VND			
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế	Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Không được chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Chưa chuyển lỗi vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
2015 (*)	2020	147.054.530.455	(68.222.691.848)	(78.831.838.607)	-
2016 (*)	2021	418.707.484	-	-	418.707.484
2018 (*)	2023	325.910.423.050	-	-	325.910.423.050
2019 (*)	2024	277.577.569.453	-	-	277.577.569.453
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>750.961.230.442</b>	<b>(68.222.691.848)</b>	<b>(78.831.838.607)</b>	<b>603.906.699.987</b>

(\*) Lỗi thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗi lũy kế còn lại với tổng giá trị là 100.360.274.192 VND do không thể dự tính được khả năng sử dụng lợi nhuận trong tương lai để sử dụng tại thời điểm này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho năm nay và năm trước bao gồm:

		VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
IPC	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và nguyên vật liệu	203.638.404.071	549.147.440.546
		Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	172.046.629.798	25.551.807.412
		Mua máy móc	15.640.868.343	24.425.000.000
		Cho thuê mặt bằng	2.901.000.000	2.364.000.000
		Thanh lý tài sản	900.000.000	-
		Thuê máy móc	345.000.000	-
		Lãi vay	-	5.374.266.671
GCC	Công ty con	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	81.916.885.700	381.317.622.140
		Doanh thu bán hàng hóa	11.594.515.188	119.983.294.382
		Trả hàng	1.357.620.000	-
		Cho thuê mặt bằng	-	1.400.000.000
		Mua máy móc	-	460.955.334
VNP	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và nguyên vật liệu	70.024.857.124	100.532.786.067
		Mua hàng hóa	81.755.927.807	45.100.048.430
		Cho thuê máy móc, thiết bị	1.450.000.000	1.740.000.000
		Thuê máy móc, thiết bị	440.338.731	-
		Trả hàng	66.234.333	-
		Thanh lý tài sản	30.000.000	-
		Mượn tiền	-	24.930.000.000
NNI	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	228.941.498.760	108.841.886.460
		Mua hàng hóa	66.753.154.300	25.704.556.790
		Thuê máy móc	11.636.533.000	530.000.000
		Mua máy móc	2.254.987.758	-
		Mượn tiền	-	9.600.000.000
		Bán tài sản	-	5.000.000.000
		Chi phí lãi vay	-	4.190.959.147
Bên khác	Bên liên quan	Cho vay	15.000.000.000	-
		Lãi cho vay	1.314.328.311	-
		Tạm ứng	50.000.000	287.401.567
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Chủ tịch	Mua cổ phần	-	24.000.000.000
Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch	Mua cổ phần	-	3.540.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	16.778.081.413	13.186.854.747

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
NNI	Công ty con	Bán hàng hóa	195.582.663.100	19.248.564.256
IPC	Công ty con	Bán hàng hóa và nguyên vật liệu	44.680.167.310	176.812.371.599
VNP	Công ty con	Bán hàng hóa và nguyên vật liệu	12.894.862.011	18.097.063.985
GCC	Công ty con	Bán hàng hóa	-	27.566.413.301
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>253.157.692.421</u></b>	<b><u>241.724.413.141</u></b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Bên khác	Bên liên quan	Tạm ứng	-	77.873.055
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
IPC	Công ty con	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	354.381.569.430	41.377.362.131
NNI	Công ty con	Mua hàng hóa	75.138.485.794	19.933.297.244
VNP	Công ty con	Mua hàng hóa	43.099.389.598	54.549.242.310
GCC	Công ty con	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	-	405.387.596.760
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>472.619.444.822</u></b>	<b><u>521.247.498.445</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

#### *Công ty là bên đi thuê*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	18.267.709.200	20.054.542.200
Trên 1 đến 5 năm	3.381.237.000	24.507.512.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.648.946.200</b>	<b>44.562.054.400</b>

#### *Công ty là bên cho thuê*

Công ty hiện đang cho thuê máy móc và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

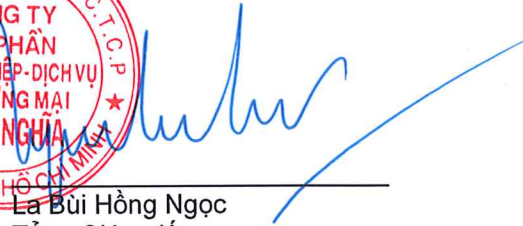
	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.064.000.000	9.144.000.000
Trên 1 đến 5 năm	6.414.000.000	25.014.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.478.000.000</b>	<b>34.158.000.000</b>

### 32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Đồng Thị Ngọc Triều  
Người lập kiêm Kế toán trưởng

La Bùi Hồng Ngọc  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2021